

Bộ phận Chiến lược đầu tư
DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM
Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
BID	24/02/22	1	44,600	Mua	55,000	17.0%	26.7%		-2.7%
TCB	27/01/22	1	52,400	Mua	64,500	23.1%	30.0%		-5.3%
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%		10.4%	177.5%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.7%	16.9%		-1.1%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	8.5%		22.6%
HAH*	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%		61.5%	306.4%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	5.3%		26.9%
VHM*	31/05/21	2	77,600	Nắm giữ	77,500	0%	0.5%		32.9%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%		81.2%	107.8%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%		86.4%	109.1%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%		14.1%	84.4%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%		48.6%	160.7%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	1.4%		154.0%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%		39.9%	77.9%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%		56.7%	102.5%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%		25.1%	106.1%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%		3.1%	25.4%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	12.3%		29.3%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	25,200 – 27,200	45,200	21,100	1:3	-3.7%
TNG	24/08/21	25,060 – 26,450	34,780	23,600	1:3	27.0%
SLS	18/08/21	131,000 – 147,000	212,000	125,000	1:3	5.2%
BWE	16/07/21	35,000 – 36,000	45,000	32,900	1:3	36.1%
LAS*	21/06/21	13,000 – 14,000	19,000	11,800	1:2.3	51.4%
ABI*	17/06/21	45,614 – 49,123	65,789	42,982	1:2.7	21.3%
VND*	09/06/21	15,100 – 16,100	21,500	14,000	1:2.5	98.4%
DPG*	31/05/21	27,500 – 28,929	43,571	25,000	1:4	183.5%
GVR	28/05/21	26,300 – 29,500	48,400	23,900	1:3.5	20.0%
BID	28/05/21	36,400 – 38,400	51,600	33,600	1:3	13.0%
SSI*	20/05/21	25,100 – 26,950	35,250	23,100	1:2	64.0%
SGR	12/05/21	25,500 – 28,500	44,000	24,000	1:3.5	10.7%
BSR*	11/05/21	14,900 – 16,100	22,000	13,600	1:2.3	66.5%
SMC*	11/05/21	34,800 – 37,500	50,000	31,000	1:2	12.1%
BCG*	12/04/21	13,200 – 13,600	17,533	12,333	1:3	94.9%
GMD*	07/04/21	33,800 – 35,000	53,800	32,700	1:5	53.1%
STB*	30/03/21	19,500 – 21,000	28,500	18,300	1:3	61.9%
TTF*	29/03/21	6,900 – 7,500	13,000	6,200	1:4	122.7%
VIC*	26/03/21	96,900 – 101,300	128,900	95,100	1:4.5	-19.6%
VCB	18/03/21	74,530 – 76,250	97,000	72,700	1:6	11.3%
GEG*	08/03/21	16,550 – 17,650	25,700	15,455	1:4	48.7%
FCN*	08/03/21	13,700 – 14,700	21,700	13,100	1:4.5	83.7%
PVD*	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900	1:4	40.8%
TIG*	05/03/21	7,545 – 8,455	13,636	7,273	1:4.5	186.2%
GAS*	17/02/21	80,000 – 83,500	117,000	73,700	1:3.5	34.5%
CNG*	17/02/21	19,900 – 21,000	29,500	18,600	1:3.5	71.4%
CCL*	17/02/21	10,000 – 11,000	18,000	8,700	1:3	47.7%
SAM*	17/02/21	10,730 – 11,590	21,555	9,770	1:5	77.7%
LAF*	27/01/21	12,800 – 14,500	21,500	11,800	1:2.5	61.4%
VSH*	25/01/21	18,000 – 19,700	30,000	16,900	1:3.5	45.7%
MSR*	21/12/20	19,000 – 21,000	31,000	17,800	1:3	49.5%
SFI*	09/12/20	29,200 – 31,000	46,500	27,700	1:5	157.1%
PGV*	23/11/20	13,810 – 14,762	23,810	12,571	1:4	140.8%
CKG*	19/11/20	8,230 – 8,650	11,300	7,890	1:3.5	280.9%
DRI*	20/10/20	4,430 – 4,930	9,930	3,630	1:4	295.5%

ĐIỂM NHẤN PHIÊN GIAO DỊCH TRƯỚC

Thị trường tăng trong buổi sáng và đảo chiều giảm trong buổi chiều, đóng cửa giảm nhẹ.

Tương quan tăng giảm nghiêng về phía giảm với số lượng mã giảm nhiều hơn trên toàn thị trường, và hoàn toàn chênh lệch nếu xét riêng trong nhóm VN30, đây cũng là tác nhân chính cho đà giảm của VNINDEX. Nếu như Ngân hàng, Bất động sản, Dầu khí hầu hết đều không có diễn biến tích cực thì Hóa chất lại có nhiều mã tăng mạnh và đóng góp tích cực nhất đến chỉ số chung.

VN-INDEX



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX ngày 23/03/2022: (1) Biên độ dao động hẹp, mở cửa cao hơn tham chiếu và thấp hơn mức cao nhất ngày, đóng cửa thấp hơn mở cửa và xấp xỉ mức thấp nhất ngày, (2) Khối lượng giao dịch cả ngày thấp hơn ngày liền trước và cao hơn trung bình.

⇒ Như đề cập trong nhận định liền trước thì vùng điểm hiện tại là vùng điểm mà lực bán sẽ hiện diện và thực tế thì thị trường đã có ngày giảm điểm với diễn biến về cuối ngày là kém tích cực. Dù vậy thì diễn biến chủ đạo vẫn là sự thiếu hụt của lực mua giá cao chứ không phải là sự mạnh mẽ của lực bán giá cao.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,430 – 1,450
Kháng cự	1,600 – 1,610

TIÊU ĐIỂM – NEWS FOCUS**CTCP Dược Hậu Giang – DHG VN**

Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) thông báo ngày 4/4 là ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông Công ty dược Hậu Giang (HoSE: DHG) để trả cổ tức tiền mặt năm 2021, tỷ lệ 35% (1 cổ phiếu được nhận 3.500 đồng). Doanh nghiệp sẽ tiến hành thanh toán vào ngày 15/4, số tiền chi ra vào khoảng 457,6 tỷ đồng.

Công ty cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận – PNJ VN

PNJ ghi nhận doanh thu thuần trong tháng 2/2022 đạt 3.589 tỷ đồng, tăng 26,5% so cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế tháng này đạt 252 tỷ đồng, tăng gần 18% so với cùng kỳ năm 2021. Còn so với kết quả đạt được của tháng 1/2022, doanh thu thuần tháng 2/2022 của PNJ tăng 3,5%, nhưng lãi sau thuế giảm 7%.

Theo PNJ, trong bối cảnh giá vàng thế giới vào cuối tháng 2 tăng hơn 2%, biên lợi nhuận gộp từng kênh vẫn duy trì ở mức tương đối ổn định. Biên lợi nhuận gộp trung bình trong tháng 2/2022 đạt 16,7% so với mức 18,2% cùng kỳ 2021.

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	508.0%	100,000	629.9%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	322.3%	125,200	372.1%
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	55.1%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	281.8%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN – Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN – Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	701
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	702
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungtth@gtjas.com.vn	703
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	222
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	704
Trần Thị Diệu Khánh	Trợ Lý	Phiên Dịch	khanhttd@gtjas.com.vn	705

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: ivs@gtjas.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696
Website: www.gtjai.com.vn		